

**Mẫu CBTT/SGDHCM-06**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI VÀ  
XÉP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2107-2021/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN  
Mã chứng khoán: HAH  
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 024.39877515  
Fax: 024.39444022  
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Minh  
Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đinh Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng  
Số điện thoại công ty: 0225.3979721  
Fax: 0225.3979718  
Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

"Báo cáo Tài chính Quý II năm 2022" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/7/2022 tại đường dẫn [www.haiants.vn](http://www.haiants.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính Quý II năm 2022

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

  
Nguyễn Ngọc Minh

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

**BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 2 NĂM 2022**

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 01/07/2022.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2022 biến động tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2021 như sau:

Nội dung	Quý 2.2022	Quý 2.2021	Tăng/giảm
<b>BCTC hợp nhất</b>			
- Doanh thu thuần	929,221,008,140	449,266,808,575	106.83%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	239,691,342,691	82,343,645,681	191.09%
<b>BCTC công ty mẹ</b>			
- Doanh thu thuần	369,353,770,281	199,090,870,841	85.52%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	169,138,066,287	81,832,452,897	106.69%

**Nguyên nhân:**

+ Công ty đầu tư thêm tàu HA East và HA West vào tháng 4 và tháng 5/2021 dẫn đến số lượng tàu quý 2 năm nay nhiều hơn quý 2 năm trước.

+ Giá cước vận tải nội địa tăng, giá cho thuê tàu tăng mạnh và số tàu cho thuê kỳ này cũng nhiều hơn.

+ Lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Vũ Thanh Hải*

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2022



**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thanh Hảo**

Hà Nội, tháng 07 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.007.926.430.598</b>	<b>941.664.249.867</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>318.447.028.760</b>	<b>317.414.227.149</b>
1. Tiền	111		202.625.748.760	103.463.017.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		115.821.280.000	213.951.210.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>118.500.000.000</b>	<b>74.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	118.500.000.000	74.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>518.721.890.016</b>	<b>517.020.448.985</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	77.262.715.291	95.170.656.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	188.298.206.154	208.231.403.398
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	37.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	203.325.802.183	176.783.222.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.009.850.959</b>	<b>18.261.183.355</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	20.009.850.959	18.261.183.355
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.247.660.863</b>	<b>14.468.390.378</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	32.247.660.863	5.584.776.448
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	8.883.613.930
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.724.546.990.335</b>	<b>1.121.494.612.487</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>196.943.150.000</b>	<b>116.674.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	46.100.000.000	46.600.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150.843.150.000	70.074.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.261.382.755.030</b>	<b>741.795.095.579</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.259.041.173.187	739.380.162.346
<i>Nguyên giá</i>	222		1.852.275.974.477	1.273.360.549.647
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(593.234.801.290)	(533.980.387.301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.341.581.843	2.414.933.233
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.199.743.393)	(4.126.392.003)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>7.635.119.123</b>	<b>6.568.959.439</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	7.635.119.123	6.568.959.439
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>249.897.540.716</b>	<b>245.864.236.338</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.220.025.784)	(26.253.330.162)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.688.425.466</b>	<b>10.592.321.131</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	8.688.425.466	10.592.321.131
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.732.473.420.933</b>	<b>2.063.158.862.354</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.152.890.825.229</b>	<b>702.023.252.318</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>472.389.043.352</b>	<b>372.222.533.809</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	35.155.830.048	21.813.175.671
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	7.162.047.526	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	58.831.078.476	20.703.846.574
4. Phải trả người lao động	314		6.428.938.083	7.276.971.011
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.327.599.083	4.342.230.621
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	11.739.969.500	15.181.295.259
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	171.414.555.548	160.538.055.722
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	123.132.613.441	110.680.547.304
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	55.196.411.647	31.686.411.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>680.501.781.877</b>	<b>329.800.718.509</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		264.000.000.000	191.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	416.501.781.877	138.800.718.509
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.579.582.595.704</b>	<b>1.361.135.610.036</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>1.579.582.595.704</b>	<b>1.361.135.610.036</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		682.958.170.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		682.958.170.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	191.640.648.159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		352.405.070.809	270.090.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		352.578.706.736	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		56.538.970.068	411.577.381.068
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		296.039.736.668	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.732.473.420.933</b>	<b>2.063.158.862.354</b>

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	369.353.770.281	199.090.870.841	656.652.642.992	352.478.934.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		369.353.770.281	199.090.870.841	656.652.642.992	352.478.934.062
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	177.496.889.560	122.121.458.815	304.890.853.942	222.739.788.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		191.856.880.721	76.969.412.026	351.761.789.050	129.739.145.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.842.772.954	27.939.568.466	40.498.719.184	32.877.727.483
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.182.041.626	4.454.074.761	7.918.400.088	9.269.131.089
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.118.443.178	2.754.474.127	11.801.879.467	4.510.322.565
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.841.800.498	6.831.592.602	15.586.900.271	12.619.524.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		215.675.811.551	93.623.313.129	368.755.207.875	140.728.216.663
11. Thu nhập khác	31	VI.6	75.679.491	8.094.661	109.065.784	218.594.295
12. Chi phí khác	32	VI.7	16.601.931.619	2.008.767.266	16.652.471.685	2.009.639.903
13. Lợi nhuận khác	40		(16.526.252.128)	(2.000.672.605)	(16.543.405.901)	(1.791.045.608)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		199.149.559.423	91.622.640.524	352.211.801.974	138.937.171.055
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		29.775.171.886	9.790.187.627	56.172.065.306	14.748.687.270
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		169.374.387.537	81.832.452.897	296.039.736.668	124.188.483.785

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>352.211.801.974</i>	<i>138.937.171.055</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		56.190.941.569	36.149.274.614
- Các khoản dự phòng	03		(4.033.304.378)	4.680.416.887
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.203.198.943)	(147.876.901)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(36.622.800.456)	(31.797.419.190)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.801.879.467	4.510.322.565
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>378.345.319.233</i>	<i>152.331.889.030</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(104.966.230.929)	(68.503.967.069)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.748.667.604)	(1.953.890.114)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		133.551.053.090	70.883.275.361
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(24.758.988.750)	(1.387.531.962)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.003.310.136)	(3.288.669.008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(34.061.008.599)	(5.615.267.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5.300.000.000)	(4.315.400.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>327.058.166.305</i>	<i>138.150.438.754</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(556.753.070.664)	(214.914.142.627)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	454.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.000.000.000)	(48.080.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(12.500.000.000)	8.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		43.314.935.498	24.749.541.742
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(569.938.135.166)</i>	<i>(229.790.355.430)</i>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	367.033.186.526	135.047.154.319
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(77.596.763.561)	(33.441.304.742)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(47.445.464.000)	(45.067.187.550)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>241.990.958.965</b>	<b>56.538.662.027</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(889.009.896)</b>	<b>(35.101.254.649)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>317.414.227.149</b>	<b>135.041.246.938</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.921.811.507	(89.714.371)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>318.447.028.760</b>	<b>99.850.277.918</b>

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

###### Công ty liên kết

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

###### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 74 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 74 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 14. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu thì được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	589.077.943	717.778.980
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	202.036.670.817	102.745.238.169
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	115.821.280.000	213.951.210.000
<b>Cộng</b>	<b>318.447.028.760</b>	<b>317.414.227.149</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(22.220.025.784)</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(26.253.330.162)</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An <sup>(i)</sup>	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(ii)</sup>	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An <sup>(iii)</sup>	139.622.700.000	(22.220.025.784)	139.622.700.000	(26.253.330.162)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <sup>(iv)</sup>	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(22.220.025.784)</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(26.253.330.162)</b>

<sup>(i)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

<sup>(ii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

<sup>(iii)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

<sup>(iv)</sup> Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 298.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (chiếm 36,89% vốn điều lệ), số đầu năm là 149.400 cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết*

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-26.253.330.162	-20.697.088.773
Trích lập dự phòng bổ sung		-4.680.416.887
Hoàn nhập dự phòng	4.033.304.378	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(22.220.025.784)</b>	<b>(25.377.505.660)</b>

### *Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)</b>		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	133.521.464.673	126.383.085.797
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	24.667.279.609	22.953.156.259
Thuê văn phòng của công ty mẹ	1.320.232.361	1.334.197.691
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	492.000.000	492.000.000
Lợi nhuận được chia từ HAP	7.322.784.938	6.912.083.742
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)</b>		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	196.166.783.039	116.905.126.316
Mua hệ phần mềm cho HACT		
Thuê văn phòng của công ty mẹ	547.131.071	
HATS phân chia lãi BCC	2.096.483.602	
Chi hộ HACT		
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	9.840.782.676	11.888.155.000
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	13.000.000.000	33.000.000.000
HACT phân chia lãi BCC		13.131.905.366
HACT chia lợi nhuận	20.200.000.000	20.200.000.000
HACT chi hộ	76.400.000	
Góp vốn đầu tư theo hợp đồng BCC vào HACT		25.000.000.000
<b>Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)</b>		
Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	5.429.864.140	2.279.447.327
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	1.069.920.000	141.180.100
Cho Pan Hải An vay		23.200.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Lãi cho vay	1.170.916.667	818.138.890
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)</i>		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	125.142.740	509.972.820
HAFC chia lợi nhuận	1.045.800.000	747.000.000
HATS phân chia lãi BCC	7.430.922.884	

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>71.883.325.086</b>	<b>90.684.736.151</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	18.899.560.964	10.358.661.209
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	50.827.925.435	78.267.163.543
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.369.887.425	1.367.711.782
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		42.109.325
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	39.990.240	24.615.600
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	6.107.640	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	739.853.382	624.474.692
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>5.379.390.205</b>	<b>4.485.920.277</b>
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	569.214.310	1.447.423.772
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	597.202.706	445.685.493
Công ty Cổ phần Container Việt Nam		657.660.982
CK LINE CO., LTD	410.744.530	520.755.606
HMM CO., LTD	1.027.727.956	
T.S. LINES LTD	816.404.391	
CÔNG TY TNHH THORESEN - VI NA MA LOGISTICS		191.565.000
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp	713.826.955	228.769.251
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ TICO	307.691.470	
<i>Khách hàng khác</i>	<b>936.577.887</b>	<b>994.060.173</b>
<b>Cộng</b>	<b>77.262.715.291</b>	<b>95.170.656.428</b>

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>188.298.206.154</b>	<b>208.231.403.398</b>
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	44.626.224	106.208.835
Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải		359.400.000
ISS MACHINERY SERVICES LIMITED	2.255.421.166	
KOCKS ARDELT KRANBAU GMBH	968.081.320	
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA		922.134.400
Công ty CP Thiết Bị và Dịch vụ Quốc tế	247.104.000	225.225.000
Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh		553.083.500
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM		578.086.200

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG IMTRACO	67.500.000	67.500.000
FRESH SOUTH SHIPPING S.A., Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	181.201.024.800	84.730.678.650 119.698.860.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	1.169.242.200	677.391.000
Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam		40.291.350
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	148.800.000	73.800.000
Chi nhánh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ lữ hành Saigontourist tại Hải Phòng	1.480.000.000	
Công ty TNHH MTV dịch vụ lữ hành Saigontourist	401.773.400	
Kongsberg Maritime Pte Ltd	111.451.044	
Các nhà cung cấp khác	203.182.000	198.744.463
<b>Cộng</b>	<b>188.298.206.154</b>	<b>208.231.403.398</b>

## 5. Phải thu về cho vay

### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay này được gia hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 22/10/2022.

### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn.

## 6. Phải thu khác

### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>84.973.703.347</b>	<b>62.751.593.614</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	5.733.096.192	12.425.231.234
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	58.964.004.923	50.118.121.017
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên - Kết quả hoạt động BCC	7.349.799.631	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - Kết quả hoạt động BCC	846.260.188	
Công ty CP đầu tư và vận tải Hải Hà - Kết quả hoạt động BCC	1.688.432.162	
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An - Kết quả hoạt động BCC	1.688.432.162	
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC	8.446.249.035	
Các khoản chi hộ	257.429.054	208.241.363
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>118.352.098.836</b>	<b>114.031.629.157</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Doanh thu tạm tính	3.996.944.041	468.473.907
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	112.423.676.376	112.423.676.376
Ký cược, ký quỹ	129.350.000	97.350.000
Tạm ứng	405.980.000	303.012.754
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.396.148.419	739.116.120
<b>Cộng</b>	<b>203.325.802.183</b>	<b>176.783.222.771</b>

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHD ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m<sup>2</sup> theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>150.769.150.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (i)	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (ii)	80.769.150.000	
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>74.000.000</i>	<i>74.000.000</i>
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	74.000.000
<b>Cộng</b>	<b>150.843.150.000</b>	<b>70.074.000.000</b>

- (ii) Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	60.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	5,00%
<b>Cộng</b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>

- (ii) Là khoản phải thu Công ty cổ phần vận tải biển An Biên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24 tháng 01 năm 2022 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	80.769.150.000	31,50%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	76.923.000.000	30,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	25.641.000.000	10,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.256.400.000	4,00%
Công ty TNHH quỹ TM Holding	51.282.000.000	20,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6.410.250.000	2,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.128.200.000	2,00%
<b>Cộng</b>	<b><u>256.410.000.000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

## 7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
<b>Cộng</b>		<b><u>164.833.612</u></b>	<b><u>(164.833.612)</u></b>		<b><u>164.833.612</u></b>	<b><u>(164.833.612)</u></b>

Trong kỳ không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

## 8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.875.178.638	18.187.588.810
Công cụ, dụng cụ	134.672.321	73.594.545



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<b>20.009.850.959</b>	<b>18.261.183.355</b>
<b>Cộng</b>		
<b>9. Chi phí trả trước</b>		
<b>9a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm chờ phân bổ	1.952.048.662	1.116.483.204
Khắc phục sự cố tàu	23.799.545.914	
Nạo vét	3.852.028.571	
Phí đường bộ	39.036.337	66.589.502
Chi phí thuê văn phòng	176.000.000	80.000.000
Dầu nhờn	2.290.714.175	3.930.393.480
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	138.287.204	391.310.262
<b>Cộng</b>	<b>32.247.660.863</b>	<b>5.584.776.448</b>
<b>9b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ dụng cụ	3.982.610.068	3.752.663.371
Chi phí lên đà tàu Hai An Link	4.408.759.821	6.443.580.044
Chi phí khác	297.055.577	396.077.716
<b>Cộng</b>	<b>8.688.425.466</b>	<b>10.592.321.131</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II  
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quan lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	227.398.863.668	308.374.778.281	715.889.599.162	775.938.182	20.921.370.354	739.380.162.346
Mua trong kỳ		5.755.186.458	573.160.238.372			578.915.424.830
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>227.398.863.668</b>	<b>314.129.964.739</b>	<b>1.289.049.837.534</b>	<b>775.938.182</b>	<b>20.921.370.354</b>	<b>1.852.275.974.477</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	138.580.902.303	250.934.154.466	133.213.706.071	752.189.266	10.499.435.195	533.980.387.301
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	4.874.952.420	8.213.306.514	45.103.861.569	20.099.966	1.042.193.520	59.254.413.989
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>143.455.854.723</b>	<b>259.147.460.980</b>	<b>178.317.567.640</b>	<b>772.289.232</b>	<b>11.541.628.715</b>	<b>593.234.801.290</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	88.817.961.365	57.440.623.815	582.675.893.091	23.748.916	10.421.935.159	739.380.162.346
Số cuối kỳ	<b>83.943.008.945</b>	<b>54.982.503.759</b>	<b>1.110.732.269.894</b>	<b>3.648.950</b>	<b>9.379.741.639</b>	<b>1.259.041.173.187</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>6.541.325.236</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.532.790.317	1.593.601.686	4.126.392.003
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	2.708.314	73.351.390
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.603.433.393</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>4.199.743.393</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.412.224.919	2.708.314	2.414.933.233
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.341.581.843</b>	<b>-</b>	<b>2.341.581.843</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	670.996.106	578.962.244.550	(578.915.424.830)	-	717.815.826
Xây dựng cơ bản dở dang	5.897.963.333	8.063.109.956		(7.494.033.333)	6.467.039.956
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	450.263.341		-	450.263.341
<b>Cộng</b>	<b>6.568.959.439</b>	<b>587.475.617.847</b>	<b>(578.915.424.830)</b>	<b>(7.494.033.333)</b>	<b>7.635.119.123</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.721.080.801</b>	<b>1.516.984.906</b>
Công ty TNHH Pan Hải An	942.019.343	759.481.257
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	51.677.982	53.836.376
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	718.547.111	697.667.273
CN tại TP.Hồ Chí Minh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	8.836.365	6.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>33.434.749.247</b>	<b>20.296.190.765</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.756.866.408	2.719.462.603
Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai		4.021.546.760
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU DHN	54.268.030	108.520.458
Triton Container International Limited-Colle	2.329.968.347	2.382.505.579
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.584.094.806	1.435.194.103
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	3.606.706.256	3.455.587.110

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ẬU	1.331.655.895	1.079.750.230
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC	899.622.332	83.080.735
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	748.134.792	850.469.400
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Duyên Hải		378.724.610
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	767.701.614	717.759.530
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	464.974.776	454.365.560
Công ty TNHH Thoresen - Vinama Logistics		216.198.536
Công ty TNHH container Phía Bắc	379.307.853	101.879.786
AMERICAN BUREAU OF SHIPPING	593.413.838	
Beyond marine safety Pte Ltd	193.973.646	
Bright Hill Ship Services	198.655.202	
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ TÀU VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI ĐẠI DƯƠNG	650.501.280	
Công ty Cổ phần TM Gia Trang	355.631.750	
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA	751.544.400	
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hải Phòng	1.352.643.012	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SỬA CHỮA TÀU BIÊN MINH GIANG	221.825.520	39.244.778
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM	219.150.700	
HAEJUN SEA & AIR CO., LTD	276.589.688	270.742.500
KSM SHIPPING AGENCIES (PVT) LTD	597.970.631	
PT INDOFUELS LIMITED	7.321.882.208	
SEAGULL MARINE ENGINEERS (PVT) LIMITED	3.277.912.172	
VLK MARINE CORPORATION		345.216.960
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	2.499.754.091	1.635.941.527
<b>Cộng</b>	<b>35.155.830.048</b>	<b>21.813.175.671</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	512.906.564	8.509.882.418	(5.618.285.153)	3.404.503.829
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.446.347.036	70.983.381.857	(34.061.008.599)	55.368.720.294
Thuế thu nhập cá nhân	1.744.592.974	2.422.383.124	(4.109.121.745)	57.854.353
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	2.113.469.423	(2.113.469.423)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>20.703.846.574</b>	<b>84.034.116.822</b>	<b>(45.906.884.920)</b>	<b>58.831.078.476</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	199.149.559.423	91.622.640.524
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	704.971.509	
- Các khoản điều chỉnh tăng	704.971.509	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	199.854.530.932	91.622.640.524
Thu nhập được miễn thuế	(24.981.933.421)	(25.080.705.328)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	174.872.597.511	66.541.935.196
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	37.955.814.733	23.454.633.406
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	21.273.261.890	7.863.796.886
- Hoạt động khai thác tàu	115.643.520.888	35.223.504.904
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>34.974.446.701</i>	<i>13.308.387.039</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(3.795.581.473)</i>	<i>(2.345.467.742)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn,</i>	<i>(1.897.790.737)</i>	<i>(1.172.731.670)</i>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### *giảm*

<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>29.281.074.491</i>	<i>9.790.187.627</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>494.097.395</i>	
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>29.775.171.886</b>	<b>9.790.187.627</b>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(8.811.937.540)	(2.645.583.581)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	12.593.036.933	3.708.521.954
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>33.556.271.279</b>	<b>10.853.126.000</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.327.599.083</i>	<i>4.342.230.621</i>
Chi phí hoạt động cảng		393.116.600
Chi phí hoạt động tàu	1.508.217.031	2.041.550.000
Chi phí lãi vay phải trả	1.819.382.052	1.907.564.021
<b>Cộng</b>	<b>3.327.599.083</b>	<b>4.342.230.621</b>

#### 16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

#### 17. Phải trả khác

##### 17a. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>137.825.603.467</i>	<i>108.346.893.048</i>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	25.555.505.448	18.489.898.404
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC	9.687.379.630	7.290.110.066
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	63.288.585.732	52.214.604.619
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	28.445.819.247	22.441.357.075
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	10.368.313.410	7.430.922.884
Thủ lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	480.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>33.588.952.081</b>	<b>52.191.162.674</b>
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	31.313.595.940	51.225.520.935
Kinh phí công đoàn	183.644.492	253.508.979
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.981.540.900	644.253.900
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	110.170.749	67.878.860
<b>Cộng</b>	<b>171.414.555.548</b>	<b>160.538.055.722</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD</i>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD</i>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02/HĐHTKD</i>	<b>44.000.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	33.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	11.000.000.000
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 03-2021/HĐHTKD</i>	<b>115.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>191.000.000.000</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021 HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VNĐ)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VNĐ)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2021 HĐHTKD ngày 02/02/2021 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VNĐ)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 như sau:

	<b>Giá trị Góp Vốn (VNĐ)</b>	<b>Tỷ Lệ %</b>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
<b>Cộng</b>	<b>242.000.000.000</b>	<b>100%</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 18. Vay

##### 18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>21.898.686.526</i>	-	<i>44.449.837.069</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	21.898.686.526		44.449.837.069
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>101.233.926.915</i>	-	<i>66.230.710.235</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	91.170.766.915		56.167.550.235
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000		10.063.160.000
<b>Cộng</b>	<b>123.132.613.441</b>	-	<b>110.680.547.304</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 18 tháng 01 năm 2021, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	44.449.837.069	66.230.710.235	110.680.547.304
Số tiền vay phát sinh trong năm	26.819.686.526		26.819.686.526
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		63.229.143.172	63.229.143.172
Số tiền vay đã trả trong năm	(49.370.837.069)	(28.225.926.492)	(77.596.763.561)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.898.686.526</b>	<b>101.233.926.915</b>	<b>123.132.613.441</b>

##### 18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>416.501.781.877</i>	<i>138.800.718.509</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	396.375.471.877	113.642.828.509
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính (iii)	20.126.310.000	25.157.890.000
<b>Cộng</b>	<b>416.501.781.877</b>	<b>138.800.718.509</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirov Ardelit GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
- Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.
- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY

<sup>(iii)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng tên STELLAR WILLEMSTADT (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025.. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN VIEW

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	101.233.926.915	66.230.710.235
Trên 1 năm đến 5 năm	416.501.781.877	138.800.718.509
Trên 5 năm		
<b>Cộng</b>	<b>517.735.708.792</b>	<b>205.031.428.744</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	138.800.718.509	116.956.807.073
Số tiền vay phát sinh	340.213.500.000	93.983.126.250
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(63.229.143.172)	(71.663.823.474)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	716.706.540	(475.391.340)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>416.501.781.877</b>	<b>138.800.718.509</b>

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	19.296.167.213	16.463.000.000	(1.680.000.000)	34.079.167.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	12.390.244.434	12.347.000.000	(3.620.000.000)	21.117.244.434
<b>Cộng</b>	<b><u>31.686.411.647</u></b>	<b><u>28.810.000.000</u></b>	<b><u>(5.300.000.000)</u></b>	<b><u>55.196.411.647</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II  
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### 20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	124.188.483.785	124.188.483.785
Trích lập các quỹ	-	-	-	34.312.000.000	(46.321.000.000)	(12.009.000.000)
Trả cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>115.606.612.922</b>	<b>(22.905.485.178)</b>	<b>270.090.070.809</b>	<b>202.036.700.225</b>	<b>1.052.655.408.778</b>
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	296.039.736.668	296.039.736.668
Trích lập các quỹ	-	-	-	82.315.000.000	(111.125.000.000)	(28.810.000.000)
Trả cổ tức năm 2021	195.130.660.000	-	-	-	(243.913.411.000)	(48.782.751.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>682.958.170.000</b>	<b>191.640.648.159</b>	<b>-</b>	<b>352.405.070.809</b>	<b>352.578.706.736</b>	<b>1.579.582.595.704</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.295.817	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	68.295.817	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 20c. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 0203-2022/NQ-ĐHĐCD ngày 18 tháng 03 năm 2022 như sau:

	VND
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (1.000đồng/CP) bằng tiền	: 48.782.751.000
• Chi trả cổ tức cho các cổ đông (4.000 đồng/CP) đồngbằng cổ phiếu	: 195.131.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 82.315.000.000
• Trích quỹ HDQT	: 12.347.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16.463.000.000

#### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	7.025.943,05	3.406.852,27
Euro (EUR)	40,54	40,54

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	93.633.371.399	79.589.963.509
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	252.008.664.112	98.071.266.915
Doanh thu hoạt động khác	23.711.734.770	21.429.640.417
<b>Cộng</b>	<b><u>369.353.770.281</u></b>	<b><u>199.090.870.841</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	3.578.602.026	3.358.650.833
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	88.872.441	89.956.722
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	15.141.000	12.628.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	1.943.072.165	1.907.676.672
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	186.605.003	24.055.000
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	4.732.122.583	3.847.741.764

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	51.674.535.800	47.375.349.943
Giá vốn của hoạt động tàu	110.080.852.388	59.625.020.376
Giá vốn dịch vụ khác	15.741.501.372	15.121.088.496
<b>Cộng</b>	<b><u>177.496.889.560</u></b>	<b><u>122.121.458.815</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.633.931.005	1.175.414.557
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.244.517	41.364.904
Lãi tiền cho vay	3.283.320.777	977.344.369
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.978.896.192	25.080.705.328
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.772.624.069	620.929.250
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.145.756.394	43.810.058
<b>Cộng</b>	<b><u>35.842.772.954</u></b>	<b><u>27.939.568.466</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

#### 4. Chi phí tài chính

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí lãi vay	8.118.443.178	2.754.474.127
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	1.659.923.984
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(4.033.304.378)	
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	96.902.826	39.676.650
<b>Cộng</b>	<b>4.182.041.626</b>	<b>4.454.074.761</b>

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.446.215.448	3.225.169.545
Chi phí vật liệu quản lý	146.227.171	79.632.490
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.360.852	105.079.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.390.856	267.722.330
Thuế, phí và lệ phí	15.106.989	15.233.634
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.491.072	1.261.894.636
Các chi phí khác	2.120.008.110	1.876.860.024
<b>Cộng</b>	<b>7.841.800.498</b>	<b>6.831.592.602</b>

#### 6. Thu nhập khác

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Xử lý công nợ		8.094.661
Thu nhập khác	75.679.491	
<b>Cộng</b>	<b>75.679.491</b>	<b>8.094.661</b>

#### 7. Chi phí khác

	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước
Phạt vi phạm hành chính	70.000.000	
Thuế bị phạt, bị truy thu	106.469.177	
Chi phí khắc phục sự cố tàu	15.955.619.646	
Ứng hộ hoạt động chống dịch Covid 19		2.000.000.000
Xử lý công nợ	26.034.852	8.767.266
Chi phí khác	443.807.944	-
<b>Cộng</b>	<b>16.601.931.619</b>	<b>2.008.767.266</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.112.829.231	1.449.750.772
Phụ cấp	450.000.000	270.000.000
Tiền thưởng	2.801.732.512	2.047.101.054
<b>Cộng</b>	<b>5.364.561.743</b>	<b>3.766.851.826</b>

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay</i>	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	846.369.231	60.000.000	1.066.955.324	1.973.324.555
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	585.900.000	60.000.000	756.296.174	1.402.196.174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	200.000.000	260.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Ông Vũ Doãn Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	366.160.000	-	297.515.737	663.675.737
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314.400.000	-	84.965.277	399.365.277
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	60.000.000	90.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	30.000.000	54.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	30.000.000	36.000.000	66.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.112.829.231</b>	<b>450.000.000</b>	<b>2.801.732.512</b>	<b>5.364.561.743</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước</i>	<b>Tiền lương</b>	<b>Phụ cấp</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>Cộng thu nhập</b>
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	684.830.772	36.000.000	853.463.125	1.574.293.897
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	456.500.000	36.000.000	597.355.936	1.089.855.936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	36.000.000	120.000.000	156.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	308.420.000	36.000.000	272.281.993	616.701.993
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	36.000.000	60.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	36.000.000	60.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	18.000.000	36.000.000	54.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	24.000.000	42.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	18.000.000	24.000.000	42.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.449.750.772</b>	<b>270.000.000</b>	<b>2.047.101.054</b>	<b>3.766.851.826</b>

#### *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cảnh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)</b>		
Sử dụng dịch vụ của HAGS	2.050.459.258	2.293.912.919
<b>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)</b>		
HATS phân chia lãi BCC	7.290.110.066	479.445.983
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	6.000.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
HATS phân chia lãi BCC	22.441.357.075	2.419.651.934
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	1.305.801.509	1.313.986.984
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	6.000.000.000	11.000.000.000
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)</b>		
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
HATS phân chia lãi BCC	18.489.898.404	2.659.374.929
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	3.000.000.000	
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh</b>		
HATS sử dụng dịch vụ	43.636.367	40.909.090
<b>Công ty cổ phần vận tải biển An Biên</b>		
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	80.769.150.000	
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	13.000.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh</b>		
HATS trả cổ tức		1.503.200.000
<i>Công nợ với các bên liên quan khác</i>		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.		

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	167.460.729.776	442.266.984.930	46.924.928.286	656.652.642.992
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>167.460.729.776</b>	<b>442.266.984.930</b>	<b>46.924.928.286</b>	<b>656.652.642.992</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	74.464.991.740	259.999.092.238	17.297.705.072	351.761.789.050
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(15.586.900.271)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				336.174.888.779
Doanh thu hoạt động tài chính				40.498.719.184
Chi phí tài chính				(7.918.400.088)
Thu nhập khác				109.065.784
Chi phí khác				(16.652.471.685)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(56.172.065.306)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>296.039.736.668</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>4.242.247.778</b>	<b>574.673.177.052</b>		<b>578.915.424.830</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>44.665.133.523</b>	<b>10.738.459.421</b>	<b>3.924.172.435</b>	<b>59.327.765.379</b>
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	153.021.041.724	156.910.569.645	42.547.322.693	352.478.934.062
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>153.021.041.724</b>	<b>156.910.569.645</b>	<b>42.547.322.693</b>	<b>352.478.934.062</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	65.310.332.455	51.399.219.687	13.029.592.945	129.739.145.087
Các chi phí không phân bổ				(12.619.524.818)

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				117.119.620.269
Doanh thu hoạt động tài chính				32.877.727.483
Chi phí tài chính				(9.269.131.089)
Thu nhập khác				218.594.295
Chi phí khác				(2.009.639.903)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(14.748.687.270)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>124.188.483.785</b>

**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

6.909.175.391	193.469.514.478	-	200.378.689.869
---------------	-----------------	---	-----------------

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

12.206.453.654	28.191.020.814	2.846.379.834	43.243.854.302
----------------	----------------	---------------	----------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	170.805.743.440	1.578.994.414.122	38.289.315.679	1.788.089.473.241
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				944.383.947.692
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.732.473.420.933</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.924.335.407	943.650.195.639	56.327.962.430	1.014.902.493.476
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				137.988.331.753
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.152.890.825.229</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	164.278.427.897	989.033.905.057	43.896.948.084	1.197.209.281.038
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				865.949.581.316
<b>Tổng tài sản</b>				<b>2.063.158.862.354</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.951.773.884	516.870.069.150	84.848.729.313	622.670.572.347
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.352.679.971
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>702.023.252.318</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

